

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/09/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+P2+AMD	7:25	1+10+1	0+0+0		9+11+0	0+0+0	CHUYỂN 1 RP3-AMD
2		CTK3+TD5	7:25	6+16	0+0		2+20	0+0	
3		PPD+TD3	7:25	9+13	0+0		7+15	0+0	
4		CTK3+P1+TGTH5	9:25	16+6+0	0+0+0		5+12+5	0+0+0	
5		P7+P9+P10	9:25	11+5+5	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
6		P2+TD3	9:25	14+8	0+0		11+11	0+0	
7		CTK3+P4+P6	11:25	13+8+0	0+0+0		7+10+4	0+0+0	
8		HST	13:00	0	0		12	0	

TTĐĐSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/09/2020	TO: RP3 - P2 - AMD	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Vận - N.Anh - DTùng	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH HÙNG	RP3	46	1	12	15	70	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐÀO QUANG THÀNH	P2	92-93	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT DŨNG	P2	97	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ MINH HÙNG	P2	90-91	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN CHÍNH QUÂN	P2	88-89	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
6	MAI TRỌNG HAI	P2	51	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH QUÂN	P2	900	1	6		60	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐÀO MINH TIẾN	P2	98-99	2	17	80	66	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN KHA	P2	96	1	15	30	76	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ TRỌNG HỒE	P2	94-95	2	17		74	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐỖ THANH HÙNG	P2	56	1	3		70	YTE	Vietnamese
12	CHU VĂN HAO	AMD	51	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	1	1	12	70	15	9 + 2		CHUYEN 01 PAX TU RP3 SANG AMD
2	P2	10	15	133	678	110	11		
3	AMD	1	1	5	70	0	0		
TOTAL		12	17	150	818	125	20		
WEIGHT KG				150	818	125			

GRAND TOAL: 1.093 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: CTK3 - TD5	CREW: Hạnh - MTHAO - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SMIRNOV	CTK3	84	1	5		99	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN XUÂN THƯỜNG	CTK3	44	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	86	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN TOÀN	CTK3	85	1	7		76	CODIEN	Vietnamese
5	TRẦN ĐƯƠNG	CTK3	45	1	10		63	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN HIỆP THANH	CTK3	82-83	2	18		85	CODIEN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HIỆU	TD5	50	1	3	105	69	KHOAN	Vietnamese
8	ARUSHANOV S.V	TD5	61	1	10	15	105	KHOAN	Russian
9	PHẠM TIẾN CHUNG	TD5	98	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TÂN TÀI	TD5	95	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
11	BAO NGUYỄN LỘC	TD5	96	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HÒA	TD5	49	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN BA HOA	TD5	92	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
14	TRÌNH ANH TRƯỞNG	TD5	93-94	2	13		65	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ VŨ NGỌC	TD5	97	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	91	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
17	LÂM VĂN HẠNH	TD5	800	1	7		61	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ VIỆT THẮNG	TD5	68	1	8		55	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN THUẬN VŨ	TD5	66-67	2	16		86	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	TD5	69	1	16		70	XAYLAP	Vietnamese
21	VÕ HOÀNG TIẾN	TD5	99	1	13		78	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐĂNG NAM	TD5	70	1	4		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	6	7	53	462	0	2		
2	TD5	16	18	137	1.149	120	20		
TOTAL		22	25	190	1.611	120	22		
WEIGHT KG				190	1.611	120			

GRAND TOAL: 1.921 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: PPD - TD3	CREW: Hôi - VThắng - HIẾU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN THÀNH	PPD				71	70	CODIEN	Vietnamese
2	HOANG QUỐC HUY	PPD	91-92	2	12		80	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC LƯU	PPD	97	1	5		67	PSV	Vietnamese
4	HOANG VĂN TRỌNG	PPD	95	1	5	40	103	PSV	Vietnamese
5	TRẦN TIẾN BẢNG	PPD	93	1	2		60	PSV	Vietnamese
6	VŨ THÈ LIÊN	PPD	98-99	1	5		70	PSV	Vietnamese
7	QUÁCH SỸ TỶ	PPD	94	1	3		69	PSV	Vietnamese
8	PHẠM VĂN GIANG	PPD	96	1	2		56	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH ĐỒNG	PPD	90	1	3		47	PSV	Vietnamese
10	ĐẶNG VĂN HÂN	TD3	62	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
11	OLEYNIK IVAN	TD3	69	1	7		71	KHOAN	Russian
12	SADOVNICHENKO	TD3	97	1	11		106	KHOAN	Russian
13	NGUYỄN TRUNG HOÀ	TD3	74	1	7	20	70	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN TUÂN ANH	TD3	94	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ VĂN KHOA	TD3	95	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
16	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN LÊ KIẾN	TD3	70	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ HÙNG ANH	TD3	73	1	2		78	KHOAN	Vietnamese
19	TRỊNH DUY SƠN	TD3	71	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
20	LẠI THÈ ĐẠT	TD3	72	1	7		92	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	98	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
22	HÀ VĂN PHÚC	TD3					80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	9	19	37	622	111	7		
2	TD3	13	11	57	1.027	20	15		
TOTAL		22	20+1	94	1.649	131	22		
WEIGHT KG				94	1.649	131			

GRAND TOAL: 1.874 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	TO: CTK3 - P1 - TGTH5	CREW: Vậ - N.Anh - DTùng	ETA: 11:10
Xau - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ MẠNH HOÀNG	CTK3	89-90	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	CTK3	63	1	11		72	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG PHONG	CTK3	87	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
4	PHAN VĂN TUÂN	CTK3	93	1	8		68	PSV	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN KHÁNH	CTK3	91	1	5		65	PSV	Vietnamese
6	LÊ CÔNG VĂN	CTK3	94	1	5		60	PSV	Vietnamese
7	VƯƠNG ĐÌNH ĐÔNG	CTK3	88	1	5	5	90	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN THU TRANG	CTK3	92	1	6		75	PSV	Vietnamese
9	HOANG VĂN BẠC	CTK3					65	PSV	Vietnamese
10	PHAN CÔNG SÂM	CTK3	95	1	5		67	PSV	Vietnamese
11	HOÀNG THÁI LONG	CTK3	64	1	5		65	PSV	Vietnamese
12	VŨ VĂN SƠN	CTK3	37	1	8		65	TRƯỜNG	Vietnamese
13	NINH QUỐC HỘI	P1	22	1	15		80	KHAI THA	Vietnamese
14	ZADERNHIUK	P1	23	1	7		65	NIPI	Russian
15	LÊ HỒNG MINH	P1	21	1	9		70	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN KHÁNH CHÂN	P1					59	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	P1	19-20	2	17		64	PSV	Vietnamese
18	PHAN VĂN HỒNG	P1	24	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	12	12	83	830	5	5		
2	P1	6	6	53	408	0	12		
3	TGTH5	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		18	18	136	1.238	5	22		
WEIGHT KG				136	1.238	5			

GRAND TOAL: 1.379 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	TO: P7 - P9 - P10	CREW: Hạnh - MTHAO - Năm	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ANH KIẾT	P7	26	1	18		72	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH THẠCH	P7	20-21	2	10		74	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN NINH	P7	22-23	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN CHIẾN	P7	14-15	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN MINH DŨNG	P7	10-11	2	15		69	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VĂN BAY	P7	16-17	2	19		56	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC TRƯỞNG	P7	18-19	2	20		55	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM VĂN THOONG	P7	24-25	2	15		58	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN TRƯỞNG GIANG	P7	08-09	2	8		65	XAYLAP	Vietnamese
10	HOÀNG NGỌC SANG	P7	12-13	2	12		51	XAYLAP	Vietnamese
11	VŨ THÁI ANH	P7	27	1	10		61	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC DANH	P9	19-20	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM CÔNG TUẤN	P9	23	1	4		57	PSV	Vietnamese
14	BUI ĐẮC CĂN	P9	22	1	2		65	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	P9	18	1	6		54	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P9	21	1	11		70	PSV	Vietnamese
17	TRẦN MINH BẠCH	P10	21	1	4	20	62	PSV	Vietnamese
18	BUI VĂN QUÂN	P10	23	1	4		65	PSV	Vietnamese
19	BUI VĂN NGUYỄN	P10	20	1	4		70	PSV	Vietnamese
20	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P10	22	1	4		58	PSV	Vietnamese
21	VŨ XUÂN TIẾN	P10	24	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	11	20	161	705	0	0		
2	P9	5	6	43	308	0	4		
3	P10	5	5	21	325	20	18		
TOTAL		21	31	225	1.338	20	22		
WEIGHT KG				225	1.338	20			

GRAND TOAL: 1.583 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	TO: P2 - TD3	CREW: Hôi - VThắng - HIẾU	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P2	68	1	7	80	61	PSV	Vietnamese
2	PHẠM VĂN HIỆP	P2	72	1	8		74	PSV	Vietnamese
3	PHẠM THANH HÙNG	P2	63	1	4		62	PSV	Vietnamese
4	PHẠM HỒNG VĂN	P2	69	1	5		70	PSV	Vietnamese
5	VŨ HỒNG QUANG	P2	74	1	5		74	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	P2	61	1	5		61	PSV	Vietnamese
7	TRƯƠNG TRỌNG HÂN	P2	73	1	2		56	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH NHÂN	P2	62	1	8		66	PSV	Vietnamese
9	BUI LONG HÙNG	P2	70	1	7		65	PSV	Vietnamese
10	LÊ VĂN LINH	P2	64	1	4		70	PSV	Vietnamese
11	LÊ PHƯỚC ĐỨC	P2	67	1	5		69	PSV	Vietnamese
12	LƯƠNG MẠNH GIANG	P2	71	1	7		65	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN KIẾN	P2	75	1	5		69	PSV	Vietnamese
14	VŨ MẠNH DŨNG	P2	65-66	2	13		77	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN BÌNH MINH	TD3	79	1	6	30	72	KHOAN	Vietnamese
16	HÀ KHUÔNG DUY	TD3	86-87	2	13		60	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ HỮU KÊ	TD3	77-78	2	15		85	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ LONG	TD3	85	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HIẾN	TD3	81	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC CHINH-ISO	TD3	82	1	6		56	C.TY APA	Vietnamese
21	DƯƠNG THANH TÙNG	TD3	80	1	4		74	DIEUHAN	Vietnamese
22	ĐINH VIỆT DŨNG	TD3	76	1	8		55	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	14	15	85	939	80	11		
2	TD3	8	10	60	549	30	11		
TOTAL		22	25	145	1.488	110	22		
WEIGHT KG				145	1.488	110			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	TO: CTK3 - P4 - P6	CREW: Vận - NPhú - QTrưởng	ETA: 13:10
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN CÔNG	CTK3	42	1	11		69	TRƯỜNG	Vietnamese
2	NGUYỄN TRƯỜNG SAN	CTK3	39	1	10		52	TRƯỜNG	Vietnamese
3	PHẠM VĂN HAI	CTK3	43	1	8		62	TRƯỜNG	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NAM	CTK3	40-41	2	8		65	TRƯỜNG	Vietnamese
5	TRƯỜNG VĂN AN	CTK3	48	1	8		54	TRƯỜNG	Vietnamese
6	VŨ VĂN TOÀN	CTK3	47	1	8		60	TRƯỜNG	Vietnamese
7	LÊ THIỆU KÝ	CTK3	45	1	11		54	TRƯỜNG	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY KHANH	CTK3	38	1	8		67	TRƯỜNG	Vietnamese
9	PHẠM VĂN CÔNG	CTK3	46	1	4		52	TRƯỜNG	Vietnamese
10	LÊ VĂN LỤC	CTK3	44	1	7		67	TRƯỜNG	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN HOÀNG	P4	77-78	2	14	50	71	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TAM	P4	73-74	2	17		67	YTE	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P4	75-76	2	8		80	PSV	Vietnamese
14	TRẦN THANH LIÊM	P4	79	1	10		65	PSV	Vietnamese
15	TRẦN TRUNG KIẾN	P4	71	1	4		65	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TRUNG THẮNG	P4	72	1	6		81	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN AI	P4	70	1	3		50	PSV	Vietnamese
18	BUI ĐỨC CHÍNH	P4	69	1	5	17	64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	10	11	83	602	0	7		
2	P4	8	11	67	543	67	10		
3	P6	0	0	0	0	3	4		
TOTAL		18	22	150	1.145	70	21		
WEIGHT KG				150	1.145	70			

GRAND TOAL: 1.365 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 13:00
FLIGHT:	TO: HST	CREW: Hạnh - Mạnh - N Nam	ETA: 14:40

ROUTE: VT - HST - VT

ROUTE: VT-HST-VT

No.	PAX.NAME		COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
							PCS	KGS	W.T
SECTOR 1: VT - HST									
1	NIL						0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	17	WT:	0	0	0
	TOTAL	0							

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1	TLJOC BOX	49	HST	1	5
REMARK :					PAX.WEIGHT
					0
					BAG.WEIGHT
					0
VSP REP.					CARGO WEIGHT
					05
VNH REP.					TOTAL
					05

CAPTAIN

FINISHED: 00:00

FUEL

CONFIRMED BY HLO (Name \$ signature)

1. TOTAL OF PAX:

2. FREIGHT \$ BAG: